TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/DS-ST
Ngày: 16/8/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Vân

2. Bà Phan Thị Yến

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Kiều Văn Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 278/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S,

Địa chỉ trụ sở: Đường N, phường V, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh S; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh A.

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Thái B, sinh năm 1980; Chức vụ: Phó phòng giao dịch X – Chi nhánh A. Theo Giấy ủy quyền ngày 27/01/2022. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ chi nhánh: Đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974, Vắng mặt

Cư trú: Ấp K, xã H, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 10/01/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh A – Phòng giao dịch X và bà Nguyễn Thị N có ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 00161-00704. Theo đó Ngân hàng thương mại cổ phần S (Ngân hàng) cho bà N vay số tiền 30.000.000đ, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay: 181 ngày, lãi suất 18%/năm, phương thức trả nợ: vốn lãi trả hàng ngày, tổng vốn lãi phải trả: 32.677.900đ.

Từ khi nhận nợ, bà N đã thanh toán được số tiền vốn 14.030.600đ và tiền lãi 236.800đ. Từ ngày 30/3/2019 đến nay, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc với bà N nhưng không có kết quả.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bà N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh A – Phòng giao dịch X đại diện nhận) tổng số tiền 18.410.500đ, trong đó: vốn 15.969.400đ, lãi tạm tính tính đến ngày 16/8/2022 là 2.441.100đ và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 00161-00704 ngày 10/01/2019 đã ký.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 18.410.500đ, trong đó: vốn 15.969.400đ, lãi tạm tính tính đến ngày 16/8/2022 là 2.441.100đ và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 00161-00704 ngày 10/01/2019 đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện bà Nguyễn Thị N yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 00161-00704 ngày 10/01/2019. Do đó, xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà N đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố L nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà N và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn.

[2.2] Ngân hàng thương mại cổ phần S do bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Trần Minh S - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh A (theo Giấy ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021). Ông Trần Minh S ủy quyền cho ông Phạm Thái B – Chức vụ: Phó Phòng giao dịch X – Chi nhánh A (theo Giấy ủy quyền ngày 27/01/2022). Thủ tục ủy quyền này phù hợp với quy định pháp luật nên ông B tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh A – Phòng giao dịch X và bà Nguyễn Thị N ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 00161-00704 ngày 10/01/2019 với nội dung: Ngân hàng cho bà N vay số tiền 30.000.000đ, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay: 181 ngày, lãi suất 18%/năm, phương thức trả nợ: vốn lãi trả hàng ngày, tổng vốn lãi phải trả: 32.677.900đ. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền vốn 14.030.600đ và tiền lãi 236.800đ, ngưng trả nợ từ ngày 30/3/2019 đến nay.

[3.2] Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bà N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 18.410.500đ, trong đó: vốn 15.969.400đ, lãi tạm tính tính đến ngày 16/8/2022 là 2.441.100đ. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 00161-00704 ngày 10/01/2019 đã ký.

[3.3] Hội đồng xét xử xét, Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 00161-00704 ngày 10/01/2019 giữa Ngân hàng và bà N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này có giá trị pháp lý. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bà N đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N có trách nhiệm thanh toán vốn, lãi tính đến ngày

16/8/2022 là 18.410.500đ (trong đó: vốn 15.969.400đ, lãi tạm tính tính đến ngày 16/8/2022 là 2.441.100đ) và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 00161-00704 ngày 10/01/2019 đã ký là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự;

- Khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (do Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh A – Phòng giao dịch X đại diện nhận) tổng số tiền là 18.410.500đ, trong đó: vốn 15.969.400đ, lãi tạm tính tính đến ngày 16/8/2022 là 2.441.100đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 00161-00704 ngày 10/01/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm nộp 920.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S (do Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh A – Phòng giao dịch X đại diện nhận) được nhận lại 460.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001365 ngày 31/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Lan